

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ
Ngày: 20/9/2022
V/v “*Tranh chấp Ly hôn và con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Hữu Hiền;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Tạ Xuân Xế và ông Tô Huy Bân
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công vụ án dân sự thụ lý số 65/2022/TLST – HNGĐ ngày 18/5/2022 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh Mẫn Đức H, sinh năm 1989.

Các đương sự cùng trú tại: Thôn Trác Bút, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; (Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Mẫn Đức H kết hôn vào ngày 03/01/2009, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn chị về chung sống với anh cùng gia đình anh H tại thôn Trác Bút, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc vợ chồng không hợp tính nhau, không đồng nhất quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra xô xát. Anh H lại ham chơi, không giúp đỡ gì cho kinh tế gia đình, thường xuyên đi uống rượu say, đi hát qua đêm. Đến ngày 30/4/2022, thì vợ chồng anh chị xảy ra cãi vã lớn, sau đó chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở; thời gian sau, anh H còn đến nhà bố mẹ đẻ chị

có nhiều lời qua tiếng lại với bố mẹ chị, mâu thuẫn giữa chị, gia đình chị và anh H là không thể hàn gắn được. Nay sau một thời gian, chị cảm thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh H được nữa, vợ chồng dù đã đăng ký kết hôn nH đã ly thân từ tháng 04/2022, không chung sống, không cùng nhau xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H. Hiện tại chị không có thai.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu: cháu Mẫn Thị Thảo My (nữ), sinh ngày 27/12/2009; cháu Mẫn Đức Đô (nam), sinh ngày 17/8/2012. Ly hôn chị đề nghị được nuôi cả 02 cháu, còn không được chị xin nuôi cháu Mẫn Đức Đô (nam) còn để anh H nuôi cháu Mẫn Thị Thảo My (nữ).

Về điều kiện nuôi con: Hiện chị đang ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn Trác Bút, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; công việc của chị là làm công ty thu nhập khoảng 8-10.000.000đ/tháng. Chị có đầy đủ điều kiện về chỗ ở và kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định pháp luật

Bị đơn là anh Mẫn Đức H trình bày: anh xác nhận như lời trình bày của chị T về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn cũng như việc mâu thuẫn vợ chồng trên thực tế là có, tuy nhiên anh H vẫn mong được hoà giải, đoàn tụ với chị T, anh mong muốn vợ chồng cùng chung sống để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không thay đổi thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: anh H xác nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu: cháu Mẫn Thị Thảo My (nữ), sinh ngày 27/12/2009; cháu Mẫn Đức Đô (nam), sinh ngày 17/8/2012. Khi ly hôn, anh H đề nghị được nuôi cả 02 cháu. Hiện sau khi ly thân, cả 02 cháu đang ở với anh H và ông bà nội.

Về điều kiện nuôi con: Hiện anh H đang ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn Trác Bút, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh; công việc của anh là kinh doanh hoa, thu nhập khoảng 20-25.000.000đ/tháng, anh H khẳng định đủ điều kiện và kinh tế để nuôi dưỡng cả 02 cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: anh H chấp nhận để chị T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Cũng tại phiên Tòa hôm nay cháu Mẫn Đức Đô trình bày: Trước đây cháu có trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì cháu ở với bố vì hôm trước không có mẹ cháu ở đó thì cháu trình bày vậy vì sợ bố cháu. Nay tại Tòa án cháu xin thay đổi được ở với mẹ T nếu bố mẹ cháu ly hôn.

Tại phiên toà hôm nay, phía nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Mẫn Đức H. Về con chung xin nuôi cả 02 con

chung, còn không không được xin nuôi cháu Mẫn Đức Đô, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ công sức đóng góp: Không yêu cầu giải quyết.

Phía bị đơn là anh Mẫn Đức H không muốn ly hôn nH chị T vẫn quyết định thì anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh H giữ nguyên quan điểm nuôi 02 con chung.

Các vấn đề về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu giải quyết.

Sau khi nghe thẩm phán công bố các chứng cứ mà Tòa án đã thu thập, các bên đương sự không có ý kiến gì thêm.

Kết thúc phần tranh tụng, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng. Cả Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng;

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39,

Căn cứ các Điều 19, 51; 56; 57; 81; 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chị T được ly hôn với anh Mẫn Đức H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Mẫn Thị Thảo My, sinh ngày 27/12/2009 cho anh Mẫn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Mẫn Đức Đô, sinh ngày 17/8/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, con chung nên đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp con chung” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Bị đơn là anh Mẫn Đức H trú tại: Thôn Trác Bút, thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35

và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Mẫn Đức H kết hôn ngày ngày 03/01/2009, trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, anh chị đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo qui định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân, gia đình, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy; trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà ngày hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn với anh H. Đối với anh Mẫn Đức H không muốn ly hôn NH vì chị T vẫn quyết định nên anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định của pháp luật do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T là anh H.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu: cháu Mẫn Thị Thảo My (nữ), sinh ngày 27/12/2009; cháu Mẫn Đức Đô (nam), sinh ngày 17/8/2012. Sau khi ly thân, hiện cả 02 cháu đang ở với anh H và ông bà nội, tuy nhiên xét thấy cả chị T, anh H đều có chỗ ở ổn định, có công việc, thu nhập đủ để trang trải cuộc sống, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cũng tại phiên Tòa cháu Đô có nguyện vọng được ở với chị T. Do vậy, cần giao con chung là cháu Mẫn Thị Thảo My (nữ), sinh ngày 27/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Mẫn Đức Đô (nam), sinh ngày 17/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét do đương sự không có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, công nợ: chị T, anh H không có tài sản chung, công nợ và không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 97; 146; 147; 204, 220, 232; 235; 264; 266; 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 8, 9, 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T với anh Mẫn Đức H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Mẫn Thị Thảo My (nữ), sinh ngày 27/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Mẫn Đức Đô (nam), sinh ngày 17/8/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét do đương sự không có yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung, công nợ, trích chia công sức do các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0004325 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết./.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện Yên Phong;
- THA huyện Yên Phong;
- UBND tt. Chờ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hữu Hiền